

Số: 50 /2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 17 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2021;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 64 /TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Yên Bái ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025

Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025

Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 cho các huyện, thị xã, thành phố

1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

a) Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) thực hiện cho giai đoạn 2022-2025;

c) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; ưu tiên hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã đặc biệt khó khăn, các xã vùng cao và các xã khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của người dân giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh;

d) Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

đ) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

e) Tổng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2022 - 2025 được tính trên tốc độ tăng bình quân chung 6%. Số vốn thực tế hằng năm phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố (K) phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước;

g) Các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối được giao, phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế tại từng huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối cho các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở tính điểm theo 5 nhóm tiêu chí:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thị xã, thành phố;

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu cân đối ngân sách;

c) Tiêu chí về diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thị xã, thành phố;

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính, gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã, số xã đặc biệt khó khăn, số xã vùng cao;

đ) Nhóm tiêu chí bổ sung, gồm: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện nghèo; huyện, thị xã là trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ của khu vực trong tỉnh.

3. Xác định điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí số dân trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 50.000 người	10
Trên 50.000 người, cứ 10.000 người tăng thêm	3

Số dân trung bình của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ số liệu Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Dưới 10.000 người	0
Đến 10.000 người	4
Trên 10.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm	2

Số người dân tộc thiểu số của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ số liệu năm 2021 do Cục Thống kê tỉnh Yên Bái cung cấp.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu cân đối ngân sách. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Dưới 5% hộ nghèo	0
Đến 5% hộ nghèo	3,5
Trên 5% hộ nghèo, cứ 5% hộ nghèo tăng thêm	3,5

Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ số liệu kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Yên Bái năm 2020 theo Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

(2) Điểm của tiêu chí số thu cân đối ngân sách

Số thu cân đối ngân sách	Điểm
Dưới 50 tỷ đồng	5
Từ 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm	4
Trên 100 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm	3
Trên 150 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm	2
Trên 200 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm	1

Số thu cân đối ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được tính theo kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2020.

c) Tiêu chí về diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thị xã, thành phố. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Dưới 50.000 ha	6
Từ 50.000 ha đến 100.000 ha, cứ 10.000 ha tăng thêm	2
Trên 100.000 ha, cứ 10.000 ha tăng thêm	1

Diện tích đất tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ số liệu Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Cứ 1% tỷ lệ che phủ rừng	0,5

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ số liệu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái cung cấp.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã, số xã đặc biệt khó khăn, số xã vùng cao. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã	1

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn

Xã đặc biệt khó khăn	Điểm
Mỗi xã	0,5

(3) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao

Xã vùng cao	Điểm
Mỗi xã	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã, số xã đặc biệt khó khăn, số xã vùng cao để tính điểm được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23/5/1997 của Bộ

trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2020.

đ) Tiêu chí bổ sung, gồm: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện nghèo; huyện, thị xã là trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ của khu vực trong tỉnh. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới

Địa phương	Điểm
Đạt 100%	10
Từ 50% đến dưới 100%	5
Dưới 50%	3

Số đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới để tính điểm được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí huyện nghèo

Địa phương	Điểm
Huyện nghèo	30

Huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, gồm huyện Mù Cang Chải và huyện Trạm Tấu.

(3) Điểm của tiêu chí huyện, thị xã là trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ của khu vực trong tỉnh

Địa phương	Điểm
Huyện, thị xã là trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ	30

4. Phương pháp tính mức vốn phân bổ

a) Căn cứ điểm các tiêu chí quy định trên, xác định được điểm của các huyện, thị xã, thành phố ($Q_{đp}$), như sau:

Huyện Văn Chấn: 200,6 điểm;

Huyện Mù Cang Chải: 195,2 điểm;

Huyện Lục Yên: 192,4 điểm;

Huyện Văn Yên: 181,5 điểm;

Huyện Yên Bình: 167,4 điểm;

Huyện Trạm Tấu: 154,0 điểm;

Thành phố Yên Bái: 153,4 điểm;

Thị xã Nghĩa Lộ: 144,7 điểm;

Huyện Trấn Yên: 140,1 điểm;

Tổng điểm của các huyện, thị xã, thành phố (Q) = 1.529,3 điểm.

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) = Tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối phân bổ hằng năm cho các huyện, thị xã, thành phố (K)/Tổng điểm của các huyện, thị xã, thành phố (Q);

c) Số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối của các huyện, thị xã, thành phố (K_{dp}) = Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) x số điểm của các huyện, thị xã, thành phố (Q_{dp}).

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ vốn từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố

1. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn và một số nhiệm vụ quan trọng khác được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách và các dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai của các huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ từng trường hợp cụ thể, cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ cho các dự án bảo đảm quy định.

Điều 6. Nguyên tắc phân bổ vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất (không bao gồm chi đầu tư phát triển quỹ đất), thu xổ số kiến thiết và các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi

1. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: Việc phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các dự án được thực hiện bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, trên cơ sở nguồn thu tiền sử dụng đất được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Việc phân bổ nguồn thu xổ số kiến thiết cho các dự án được thực hiện bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và tỷ lệ % cho các ngành, lĩnh vực, chương trình theo quy định của Trung ương, trên cơ sở nguồn thu xổ số kiến thiết được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép bố trí cho các ngành, lĩnh vực, chương trình, đề án, dự án theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm và dự án quan trọng khác bảo đảm quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận: *TT*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long